

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng
tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 304 /TTr-SNN ngày 11 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được tạm ứng

a) Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng

- Chủ rừng được quy định tại Điều 8, Luật Lâm nghiệp 2017;

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập;

- Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả.

2. Đối tượng phải chi trả tiền tạm ứng dịch vụ môi trường rừng: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

3. Số lần tạm ứng: Một lần trong một quý, tối đa 04 lần trong năm kế hoạch.

4. Tỷ lệ tạm ứng tối đa là 70% tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng mà các đối tượng được nhận trong năm theo kế hoạch thu, chi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

- a) Quý I: Tỷ lệ tạm ứng trong năm kế hoạch là 20%;
- b) Quý II: Tỷ lệ tạm ứng là 20%. Lũy kế trong năm kế hoạch là 40%;
- c) Quý III: Tỷ lệ tạm ứng là 20%. Lũy kế trong năm kế hoạch là 60%;
- d) Quý IV :Tỷ lệ tạm ứng là 10%. Lũy kế trong năm kế hoạch là 70%.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị